TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÙ CANG CHẢI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2017/HSST Ngày 23- 8- 2017.	

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ □N NHÂN DÂN HUY□N M□ CANG CH□I, T□NH Y□N B□I

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tòng Văn Quân.

Các Hội thẩm thân dân: Ông Đoàn Thanh Giồng.

Ông Phạm Đức Thịnh.

Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lý A Dà- Cán bộ Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Đồng- kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2017/ HSST ngày 26 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Giàng A L**- Sinh năm 1981, tại xã p, huyện M, tỉnh Yên Bái; trú tại: bản H, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Giàng A Ch- Sinh năm 1959 và bà Hờ Thị S- Sinh năm 1960; vợ là Thào Thị M- Sinh năm 1983; bị cáo có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2017. Có mặt.

2. **Thào Thị M**- Sinh năm 1983, tại xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái; trú tại: bản H, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; con ông Thào Khua K- Sinh năm 1964 và bà Phàng Thị S- Sinh năm 1966; chồng là Giàng A L- Sinh năm 1981; bị cáo có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2017. Có mặt.

3. **Thào A P**- Sinh năm 1983, tại xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái; trú tại: bản L, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 1/12; con ông Thào A D- Sinh năm 1957 và bà Mùa Thị S- Sinh năm 1958; vợ là Giàng Thị M- Sinh năm 1986; bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2006) tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/3/2017. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Giang A L, Thào Thị M và Thào A P bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Khoảng 17 giờ ngày 21/3/2017 Giàng A L gọi điện thoại cho Thào A P hỏi mua thuốc phiện, qua trao đổi Thào A P nói giá 3.000.000 đồng một lạng thuốc phiện (tính theo cân kilôgam) hiện tại P có 07 lạng thuốc phiện. Giàng A L trả lời chỉ có 16 triệu đồng, Thào A P nói với Giàng A L cứ đem tiền đến rồi tính sau. Giàng A L cầm 16 triệu đồng lấy xe máy để đi đến nhà Thào A P mua thuốc phiện. Khi L ra khỏi nhà thì gặp vợ là Thào Thị M đòi đi cùng, L đồng ý. Hai vợ chồng đi xe máy đến ngã ba đ- ờng rẽ vào bản L thì Thào Thị M xuống xe. Còn Giàng A L đi vào nhà Thào A P để mua thuốc phiện. Gặp nhau Thào A P và Giàng A L thống nhất Giàng A L mua toàn bộ 07 lạng thuốc phiện với giá 21 triệu đồng, L trả tr- ớc cho P 16 triệu đồng, còn nợ lại 05 triệu đồng. Thào A P nhận 16 triệu đồng rồi bảo Giàng A L quay lại ngã ba đ- ờng rẽ vào bản L nơi không có ng- ời, đợi Thào A P đem thuốc phiện giao cho. Giàng A L đi đến chỗ P hẹn đợi một lúc thì P đến giao cho L 07 lạng thuốc phiện. Nhận đ- ợc thuốc phiện L đi đến chỗ Thào Thị M đứng đợi, gặp Thào Thị M, Giàng A L đ- a gói thuốc phiện cho M cầm. Thào Thị M hỏi L sao lại mua cái này (Thào thị M biết đó là thuốc phiện) nh- ng L không trả lời. Giàng A L lái xe, còn Thào Thị M ngồi sau cầm theo số thuốc phiện đi theo đ- ờng mòn đến bản H thì bị tổ công tác ban Công an xã N và Công an huyện phụ trách địa bàn phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng là 07 lạng thuốc phiện do Thào Thị M đang cầm và 01 chiếc xe mô tô WAVE RSX của Giàng A L.

Thào A P khai nhận nguồn gốc số thuốc phiện bán cho Giàng A L là ngày 20/3/2017 Thào A P gặp một ng- ời đàn ông giới thiệu tên là T ở Điện Biên (Thào A P không quen biết) tại khu vực bản Pú Cang, xã nậm Khắt. Qua nói chuyện Thào A P nhận và bán hộ T 0,7 kg thuốc phiện với giá 16 triệu đồng. Sau khi Giàng A L đ- a 16 triệu đồng Thào A P đã đem số tiền đó đến khu vực bản Pú Cang, xã Nậm Khắt trả cho T, T trả công cho P 500.000 đồng. Sau đó T đi đâu P không biết, P đem toàn bộ thuốc phiện vừa mua đ- ợc đến chỗ hẹn giao cho L.

Khám xét nơi ở, đồ vật của Thào A P, thu giữ 01 điện thoại di động đã bị hỏng; 01 ví da màu đen và 04 triệu đồng. Trong bốn triệu đồng đó có 500.000 đồng là tiền đ- ợc ng- ời tên là T trả công P bán hộ thuốc phiện. Thực tế Thào A p nhận 0,7 kg thuốc phiện với giá 16 triệu đồng của ng- ời tên là T, nh- ng đã bán với giá 21 triệu đồng cho Giàng A L. Số tiền lãi Thào A P đ- ợc h- ởng là 05 triệu đồng mà Giàng A L còn nợ ch- a trả.

Tại kết luận giám định số: 76/ GĐMT ngày 05/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận:

Chất nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ khi bắt quả tang Giàng A L và Thào Thị M có tổng trọng l- ợng là 541,49 gam là thuốc phiện nằm trong danh mục II, STT 117, Nghị định 82/2013/NĐ- CP ngày 19/7/2013 của chính phủ.

Tại kết luận giám định số: 81/KLGĐ ngày 27/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: Toàn bộ số tiền 4.000.000 đồng thu giữ

khi khám xét của Thào A P ngày 21/3/2017, gửi đi giám định là tiền do Ngân hàng Nhà n- ớc Việt Nam phát hành.

Bản Cáo trạng số: 23/KSĐT ngày 26 tháng 6 năm 2017, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải truy tố Giàng A L, Thào Thị M và Thào A P về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm g khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đã phân tích, đánh giá hành vi của các bị cáo trong quá trình thực hiện tội phạm và giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo:

1. Giàng A L từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy";

2. Thào Thị M từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy";

3. Thào A P từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy";

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo. Đề nghị xử lý vật chứng bị tạm giữ trong quá trình điều tra theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Giàng A L, Thào Thị M và Thào A P không có ý tranh luận gì. Khi đ- ợc nói lời sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những ng- ời tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà các bị cáo Giàng A L, Thào Thị M và Thào A P khai nhận:

Ngày 21/3/2017 Giàng A L đã mua 541,49 gam thuốc phiện với giá 21.000.000 đồng của Thào A P, mục đích để bán kiếm lời. Mua đ- ợc thuốc phiện Giàng A L đ- a cho vợ là Thào Thị M cất giữ vào túi áo tr- ớc bụng ngồi sau xe máy, Giàng A L lái xe đi theo đ- ờng mòn từ bản L sang bản H, xã N thì bị tổ công tác của ban Công an xã Nậm Khắt và Công an phụ trách địa bàn phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng.

Nh- vậy lời khai của các bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt ng- ời phạm tội quả tang, phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo là ng- ời có năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm, nh- ng vì mục đích vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện đã có đủ cơ sở để kết luận nh- sau:

[1] Bị cáo Giàng A L có hành vi mua 541,49 gam thuốc phiện của Thào A P với mục đích bán kiếm lời. Hành vi đó của Giàng A L đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

[2] Đối với bị cáo Thào Thị M, trong quá trình đi cùng chồng là bị cáo Giàng A L thì L không nói gì về việc mua bán thuốc phiện, việc M đi cùng là do sợ chồng đi với phụ nữ khác. Việc bị cáo L mua bán ma túy nh- thế nào M không biết; khi L đ- a cho M 01 gói nilon, M nhận thức đ- ợc đó là gói thuốc phiện và có hỏi L mua làm gì nh- ng L không trả lời. Xét Thào Thị M và Giàng A L không có sự bàn bạc, trao đổi việc mua ma túy về nhằm bán và thực tế cũng ch- a bán đ- ợc (trên đ- ờng đi về bị bắt quả tang), do đó ch- a đủ căn cứ chứng minh bị cáo M đồng phạm với bị cáo L về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy nh- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải truy tố. Hành vi của các bị cáo M cầm hộ cho bị cáo L 541,49 gam thuốc phiện là phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm g khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Bị cáo Thào A P là ng- ời bán hộ 541,49 gam thuốc phiện cho một ng- ời không quen biết tên là T cho Giàng A L với giá 16.000.000 đồng và nhận tiền công bán thuốc phiện 500.000 đồng. Thực tế Bị cáo P đã bán cho Giàng A L 21.000.000 đồng nh- vậy bị cáo Thào A P lãi 5.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của Thào A P đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma tuý của các bị cáo đã xâm phạm quy định của Nhà n- ớc về phòng ngừa, ngăn chặn đấu tranh chống tệ nạn ma tuý. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những làm gia tăng tệ nạn nghiện ma tuý mà còn là nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh các loại tội phạm khác trên địa bàn, ảnh h- ởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử cần phải áp dụng hình phạt t- ơng xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Riêng đối với hành vi của Thào Thị M phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi cho bị cáo, căn cứ vào Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt đối với bị cáo M.

Tuy nhiên sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 bộ luật hình sự, đ- ợc Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt.

Về nhân thân: Các bị cáo là ng- ời dân tộc thiểu số, hiểu biết xã hội còn nhiều hạn chế, ch- a có tiền án, tiền sự, tr- ớc khi phạm tội các bị cáo là ng- ời có nhân thân tốt, chỉ vì mua ma túy để bán kiếm lời nên đã dấn thân vào con đ- ờng phạm tội.

Với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo nh- trên, căn cứ vào quy định của Bộ luật

hình sự. Xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng, giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành ng- ời lao động, sống có ích cho xã hội. Đồng thời cũng đảm bảo giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn, không có khả năng, điều kiện thi hành nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với ng- ời đàn ông tên T theo lời khai của Thào A P là ng- ời nhờ Thào A P bán 541,49 gam thuốc phiện, nh- ng Thào A P không biết họ tên, địa chỉ của ng- ời này nên không có căn cứ để xử lý tr- ớc pháp luật.

Về vật chứng và tài sản bị thu giữ trong vụ án cần đ- ợc xử lý nh- sau:

- Vật chứng là chất nhựa dẻo màu nâu đen gửi giám định có chất ma túy, là thuốc phiện còn lại, sau khi lấy mẫu giám định, đang đ- ợc niêm phong, đây là vật cấm l- u hành, cần tịch thu tiêu huỷ.

- Vật chứng là 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong lấy mẫu giám định và giấy gói, 01 ví da màu nâu đã cũ qua sử dụng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Vật chứng là 02 điện thoại di động của bị cáo Giàng A L và Thào A P. Các bị cáo đã sử dụng điện thoại vào việc giao dịch mua bán trái phép thuốc phiện, nên đ- ợc coi là ph- ơng tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà n- ớc.

- Vật chứng là 01 chiếc xe máy màu đỏ đen nhãn hiệu WAVE RSX không có biển kiểm soát; 01 giấy phép lái xe mang tên Giàng A L, đây là tài sản hợp pháp của gia đình bị cáo Giàng A L cần trả cho bị cáo.

- Vật chứng là số tiền 4.000.000 đồng(đ- ợc niêm phong trong hai phong bì do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành) thu giữ của bị cáo Thào A P. Trong đó có 500.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu sung quỹ nhà n- ớc. Số tiền còn lại là 3.500.000 đồng là tiền thu nhập hợp pháp của bị cáo P, nên đ- ợc trả lại cho bị cáo nh- ng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền L thanh toán cho P 16.000.000 đồng để mua thuốc phiện, cơ quan điều tra đã thu giữ 500.000đồng, còn lại 15.500.000 đồng cần truy thu sung quỹ nhà n- ớc.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên*:**

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

- Các bị cáo Giàng A L và Thào A P phạm tội ***"Mua bán trái phép chất ma tuý "***; bị cáo Thào Thị M phạm tội "***Tàng trữ trái phép chất ma túy***".

1. □p dụng điểm g khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ Luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Giàng A L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 21/3/2017.

- Xử phạt bị cáo Thào A P 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 23/3/2017.

2. □p dụng điểm e khoản 2 Điều 249 của Bộ Luật hình sự năm 2015, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ Luật hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo Thào Thị M 05 (năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 21/3/2017.

3. Áp dụng: Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) hộp niêm phong bằng bìa cát tông, đ- ợc dán giấy trắng bên ngoài, một mặt của hộp có ghi "Vật chứng là chất nhựa dẻo màu nâu đen nghi là thuốc phiện thu giữ khi bắt quả tang Giàng A L và Thào Thị M tại bản Hua Khắt, xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái ngày 21/3/2017" (Sau khi lấy mẫu giám định). Xung quanh hộp niêm phong có họ tên và chữ ký của Phạm Văn Đồng, Trần Nhật Tân, Tr- ơng Xuân Ngọc, Lê Văn H- ng và có đóng các dấu hình tròn đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái; 01 (một) vỏ phong bì đã mở niêm phong lấy mẫu giám định và giấy gói. 01 (một) ví da màu nâu đã cũ qua sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ nhà n- ớc: 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)* tiền Ngân hàng Nhà n- ớc Việt Nam; 02 (hai) điện thoại di động (01 cái màu đen, mặt tr- ớc có chữ Masstel, có IMEL 1: 911323304003449 điện thoại cũ; 01 cái màu đỏ đen mặt tr- ớc có chữ Masstel, bên trong có 01 thẻ sim có IMEL 1: 358211068401547 điện thoại cũ đã qua sử dụng).

- Truy thu sung quỹ nhà n- ớc 15.500.000 đồng *(M- ời lăm triệu năm trăm đồng)* đối với bị cáo Thào A P.

- Trả lại cho bị cáo Thào A P 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền Ngân hàng Nhà n- ớc Việt Nam. Nh- ng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Giàng A L là 01(một) chiếc xe máy màu đỏ đen nhãn hiệu wave RSX không có biển kiểm soát; 01 (một) giấy phép lái xe số AC 8054243 mang tên Giàng A L- SN 1981.

4. □p dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của □y ban th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án,

Các bị cáo Giàng A L, Thào Thị M và Thào A P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh YB.
- VKSND huyện MCC.
- Công an huyện MCC (2 bản).
- Chi cục THADS huyện MCC.
- Sở T- pháp;
- Các bị cáo;
- Công an trại giam;
- L- u T.H.A phạt tù, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Tòng Văn Quân